TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Bà Lê Thị Nhớ

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Nguyên Khang - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thế Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 298/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1030/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1035/2026/QĐHPT-HNGĐ ngày 28/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hồng S, sinh năm: 1993. Địa chỉ: đường Đ, phường AK, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Quang K, sinh năm: 1994. Địa chỉ: đường Đ, phường AK, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2026 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là bà Trương Thị Hồng S trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng S và ông Lê Quang K xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND phường V, huyện P, Thừa Thiên Huế. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống chung tại phường Hòa An, quận Cẩm Lệ nay là phường An Khê, TP Đà Nẵng. Đến năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng trong hôn nhân, Anh K thường xuyên bao hành tâm lý và bạo lực xuyên suốt từ khi kết hôn đến năm 2026. Vợ chồng không còn quan tâm lo lắng cho nhau trong suốt 4 tháng nay, sống chung nhà nhưng phần ai nấy sống. Hiện nay tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà và ông K không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quang K

- Về quan hệ con chung: Bà S và ông K có 02 con chung tên Lê Quang Đức, sinh ngày: 13/12/2021 và Lê Thảo Nhi, sinh ngày 13/5/2024. Bà S yêu cầu Tòa án giao con Lê Quang Đức cho ông K nuôi dưỡng, giao con Lê Thảo Nhi cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Lê Quang K:*** Quá trình Tòa án giải quyết vụ việc, ông K có tham gia phiên hòa giải ngày 23/6/2026, tại bản tự khai ngày 23/6/2026 do ông Lê Quang K trình bày: về thời điểm kết hôn và các nội dung về hôn nhân như chị S đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông không muốn ly hôn, ông cho rằng bà S có những bất đồng và trầm cảm, tổn thương trong quá khứ nhưng đến nay ông đã cải thiện và thay đổi, mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung thì ông K đồng ý nuôi con trai Lê Quang Đức và chị S nuôi con gái Lê Thảo Nhi, không ai cấp dưỡng cho ai.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hồng S đối với ông Lê Quang K

Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà S về việc giao con chung tên Lê Thảo N, sinh ngày 13/5/2024 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Lê Quang Đ, sinh ngày: 13/12/2021 cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Hồng S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Các đương sự chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trương Thị Hồng S khởi kiện bị đơn là ông Lê Quang K để yêu cầu ly hôn và giải

quyết vấn đề con chung. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*". Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại phường An Khê, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng theo quy định.

[1.2] Bị đơn ông Lê Quang K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Quang K

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng S và ông Lê Quang K xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vinh Thanh, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế vào ngày 22/10/2021 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại phường H, quận C (cũ), TP. Đà Nẵng nay là phường AK, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống vốn đã có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng trong hôn nhân, ông K thường bạo hành tâm lý và bạo lực xuyên suốt từ khi kết hôn đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng phần ai nấy sống, không còn quan tâm lo lắng cho nhau nữa. Nay bà S nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, không thể tiếp tục cuộc sống như vậy nữa, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Hôn nhân không thể hàn gắn được nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quang K.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ việc, ông K có tham gia phiên hòa giải ngày 23/6/2026, tại bản tự khai ngày 23/6/2026 do ông Lê Quang K trình bày: về thời điểm kết hôn và các nội dung về hôn nhân như chị S đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông không muốn ly hôn, ông cho rằng bà S có những bất đồng và trầm cảm, tổn thương trong quá khứ nhưng đến nay ông đã cải thiện và thay đổi, mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi vợ chồng bà S ông K đang sinh sống, thuộc tổ dân phố Bình Thuận 3, phường An Khê, Tp Đà Nẵng xác định được ông Lê Quang K và bà Trương Thị Hồng S là vợ chồng sinh sống tại đường Đ, tổ dân phố B 3, phường AK, TP Đà Nẵng khoảng từ năm 2021 đến nay. Quá trình chung sống địa phương nhận thấy: Tình trạng hôn nhân gia đình của ông K và bà S từ năm 2021, địa phương xác nhận vợ chồng ông K bà S có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả nhau, ông K có đánh đập gây thương tích cho bà S. Về con chung: địa phương xác nhận ông K và bà S có 02 con chung đang ở cùng ông K bà S.

Với những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà S và ông K đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Hồng S đối với ông Lê Quang K là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà S và ông K có với nhau 02 con chung tên là Lê Quang Đ, sinh ngày: 13/12/2021 và Lê Thảo N, sinh ngày 13/5/2024. Bà S yêu cầu Tòa án giao con Lê Quang Đ cho ông K nuôi dưỡng, giao con Lê Thảo N cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc giao các con chung tên Lê Thảo N, sinh ngày 13/5/2024 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Lê Quang Đ, sinh ngày: 13/12/2021 cho ông K nuôi dưỡng thì thấy: Việc giao con chung cho ai là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, để con có đủ điều kiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Việc yêu cầu giao con cho cha mẹ nuôi dưỡng, giữa ông K và bà S đã thống nhất về việc mỗi người nuôi một con và yêu cầu của bà S đã được ông K đồng ý và không có ý kiến nào. Tại phiên hòa giải ông K cũng thống nhất nuôi con trai tên Lê Quang Đ và giao con gái tên Lê Thảo N cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng cho ai. Xét thấy việc giao các con chung cho cha, mẹ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do các bên tự nguyện thỏa thuận và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, HĐXX thấy cần giao con tên Lê Thảo N, sinh ngày 13/5/2024 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Lê Quang Đ, sinh ngày: 13/12/2021 cho ông K nuôi dưỡng.

Mỗi người nuôi một con và bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Trương Thị Hồng S và ông Lê Quang K đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Hồng S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: Bà Trương Thị Hồng S phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004220 ngày 22/4/2026 tại Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Bà Trương Thị Hồng S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83,116,117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng S đối với ông Lê Quang K về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị Hồng S được ly hôn ông Lê Quang K (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74 đăng ký ngày 22/10/2021 tại UBND phường V, huyện P, Thừa Thiên Huế (cũ).

2. Về con chung: Bà S và ông K có 02 con chung tên Lê Quang Đ, sinh ngày: 13/12/2021 và Lê Thảo N, sinh ngày 13/5/2024. Giao con tên Lê Quang Đ cho ông K nuôi dưỡng, giao con Lê Thảo N cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Bên không nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Trương Thị Hồng S phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004220 ngày 22/4/2026 tại Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Bà Trương Thị Hồng S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/8/2026

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 3- Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- UBND phường An Khê – Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bàng